TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H** ---------- Số: 42/2023/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------- *K, ngày 29 tháng 03 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2023/ TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023, giữa:

/ Nguyên đơn: - **Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973**.

Nơi đăng ký HKTT, trú tại: đường M, phường A, quận D1, thành phố P.

/ Bị đơn: - **Ông Vũ Văn T1, sinh năm 1954**.

Đăng ký HKTT và trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015:

Căn cứ Điều 51; Điều 55; Điều 57 - Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 144; Điều 146; Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 03 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 03 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Vũ Văn T1.

2/ **Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

* *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Vũ Văn T1 đều nhất trí thuận tình ly hôn.

* *Về con chung:* Không có.

* *Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:* Không đặt ra xem xét giải quyết.

* *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị T tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0008096, ngày 06 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, bà T còn được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Đ;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thế P1